

Số: /TB-SXD

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thanh lý Nhà nước**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thanh lý, điều xe ô tô công tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-SXD ngày 29/12/2023 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt mức giá khởi điểm để bán đấu giá thanh lý xe ô tô Toyota-Corolla, biển đăng ký 98A-5789 và xe ô tô Ford Mondeo biển đăng ký 98A-3699.

Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang thông báo lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản với các nội dung chính như sau:

**1. Tài sản đưa ra đấu giá**

Tài sản thanh lý là xe ô tô cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu Ford Mondeo, biển kiểm soát 98A-3699;

Giá khởi điểm: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)

Giá khởi điểm trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí khác liên quan đến tài sản nếu có.

**2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký để tổ chức đấu giá phải đáp ứng Điều 56 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Điều 3 và phụ lục I Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp với những tiêu chí sau:

| <b>TT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>  | <b>MỨC TỐI ĐA</b> |
|------------|--|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>  | <b>23,0</b>       |
| <b>1</b>   | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>   | <b>11,0</b>       |
| 1.1        | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)   | 6,0               |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện  | 5,0               |
| <b>2</b>   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>   | <b>8,0</b>        |
| 2.1        | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá  | 4,0               |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá   | 4,0               |
| <b>3</b>   | <b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>   | <b>2,0</b>        |
| <b>4</b>   | <b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>   | <b>1,0</b>        |
| <b>5</b>   | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>  | <b>1,0</b>        |
| <b>II</b>  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>   | <b>22,0</b>       |
| <b>1</b>   | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan  | 4,0               |
| <b>2</b>   | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao                | 4,0               |
| <b>3</b>   | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá   | 4,0               |
| <b>4</b>   | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá  | 4,0               |
| <b>5</b>   | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá  | 3,0               |
| <b>6</b>   | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá   | 3,0               |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>   | <b>45,0</b>       |
| <b>1</b>   | <b>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp</b> | <b>6,0</b>        |

| <b>TT</b> | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>MỨC TỐI ĐA</b> |
|-----------|---|-------------------|
|           | <b>đồng)</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</b>  |                   |
| 1.1       | Dưới 03 hợp đồng  | 2,0               |
| 1.2       | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng   | 3,0               |
| 1.3       | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng   | 4,0               |
| 1.4       | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng   | 5,0               |
| 1.5       | Từ 30 hợp đồng trở lên  | 6,0               |
| 2         | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</b> | 18,0              |
| 2.1       | Dưới 20%  | 10,0              |
| 2.2       | Từ 20% đến dưới 40%   | 12,0              |
| 2.3       | Từ 40% đến dưới 70%   | 14,0              |
| 2.4       | Từ 70% đến dưới 100%  | 16,0              |
| 2.5       | Từ 100% trở lên   | 18,0              |
| 3         | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</b>   | 5,0               |
| 3.1       | Dưới 03 năm   | 3,0               |
| 3.2       | Từ 03 năm đến dưới 05 năm   | 4,0               |
| 3.3       | Từ 05 năm trở lên   | 5,0               |
| 4         | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</b>  | 3,0               |
| 4.1       | 01 đấu giá viên   | 1,0               |
| 4.2       | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên  | 2,0               |

| <b>TT</b> | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>MỨC TỐI ĐA</b> |
|-----------|---|-------------------|
| 4.3       | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>   | 3,0               |
| 5         | <b><i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i></b><br><i>(Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i></b> | 4,0               |
| 5.1       | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>   | 2,0               |
| 5.2       | <i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>   | 3,0               |
| 5.3       | <i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>  | 4,0               |
| 6         | <b><i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i></b><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i></b>  | 5,0               |
| 6.1       | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>   | 2,0               |
| 6.2       | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>   | 3,0               |
| 6.3       | <i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>  | 4,0               |
| 6.4       | <i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>  | 5,0               |
| 7         | <b><i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i></b><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i></b>   | 3,0               |
| 7.1       | <i>Dưới 03 nhân viên</i>  | 2,0               |
| 7.2       | <i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>  | 3,0               |
| 8         | <b><i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i></b>  | 1,0               |
| <b>IV</b> | <b><i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</i></b><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i></b>   | <b>5,0</b>        |
| 1         | <i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>  | 3,0               |
| 2         | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>  | 4,0               |
| 3         | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài</i>   | 5,0               |

| <b>TT</b>           | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>MỨC TỐI ĐA</b>  |
|---------------------|---|--------------------|
|                     | sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)  |                    |
| <b>V</b>            | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b><br>+ Có trụ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;<br>+ Có đấu giá viên có kinh nghiệm hành nghề trên 15 năm liên tục. | <b>5,0</b>         |
| <b>Tổng số điểm</b> |   | <b>100</b>         |
| <b>VI</b>           | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>   |                    |
| 1                   | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố  | Đủ điều kiện       |
| 2                   | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố  | Không đủ điều kiện |

### **3. Hồ sơ đăng ký gồm có:**

- Công văn đề nghị tổ chức đấu giá tài sản;
- Hồ sơ năng lực của tổ chức;
- Phương án đấu giá và thù lao dịch vụ đấu giá.

Tổ chức tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ.

### **4. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá**

Từ ngày 11/01/2024 đến 11h30 phút ngày 16/01/2024 (trong giờ hành chính) tại Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

\* Lưu ý:

- Việc nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá phải nộp trực tiếp tại Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (không nhận hồ sơ nộp gián tiếp);
- Người đại diện tổ chức đấu giá tài sản đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu (đối với cá nhân không phải là người đại diện theo pháp luật) và CCCD và các hồ sơ pháp lý khác có liên quan (nếu có);

### **5. Lựa chọn và thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá**

Sở Xây dựng chấm điểm theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp (cụ thể tại mục 2 Thông báo này). Tổ chức đấu giá được lựa chọn sẽ là

tổ chức có điểm số cao nhất theo bảng chấm điểm nêu trên. Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá trở lên có số điểm bằng nhau thì Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang xem xét quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản được Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang thông báo sau khi chấm và xét duyệt hồ sơ của các tổ chức đấu giá tài sản xong. Tổ chức đấu giá không nhận được thông báo của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang được hiểu là không được lựa chọn và không được trả lại hồ sơ đã nộp.

**Mọi chi tiết xin liên hệ trong giờ làm việc tại:**

Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, điện thoại: 0204.3854.403./.

***Nơi nhận:***

- Trang TTĐT chuyên ngành về ĐGTS (đăng tải);
- Cổng TTĐT Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang (đăng tải);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, VP, KT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Sơn**